

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:453/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-10-2019

“V/v ly hôn giữa
Chị G và anh T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

2. Ông Lương Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Rỡ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Đông – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 T Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công Khi vụ án thụ lý số: 350/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166A/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kiên G, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp Quang Ph, xã Quơn L, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp Hưng Th, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Chị G, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

T đơn khởi kiện đề ngày 18/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Kiên G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu năm 2002 thì được sự đồng ý của gia đình hai bên, chị G và anh T tiến tới hôn nhân năm 2003, đến năm 2008 đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thì vợ chồng làm ăn sinh sống bằng nghề buôn bán đồ chơi, phục vụ trò chơi cho trẻ em, không có nhà ở, sinh sống dưới ghe trên địa bàn tỉnh Cà Mau từ năm 2003 đến năm 2010.

Từ năm 2011 đến năm 2014 vợ chồng sinh sống T nhà cha mẹ ruột chị G ở ấp Quang Ph, xã Quơn L, huyện Chợ G tỉnh Tiền Giang.

Năm 2015 vợ chồng thuê nhà trọ ở ấp Đ, xã Trung A, thành phố Mỹ Th, tỉnh Tiền Giang để ở. Trong thời gian chung sống từ năm 2011 đến nay thì anh T hay bỏ nhà đi nhưng không nói đi đâu, nhiều khi đi 02 đến 03 ngày mới trở về nhà, không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, tiền làm ra bao nhiêu cũng tiêu xài cá nhân, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh T hay ghen tuông vô cớ nói chị G quen hết người đàn ông này đến người đàn ông khác. Vì thế vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đỉnh điểm nhất ngày 11/6/2019 trong lúc cãi nhau anh T đánh chị G, giật điện thoại làm chị G bị chấn thương ở bàn tay phải. Rất nhiều lần vợ chồng cự cãi làm mất trật tự an ninh ở địa phương được Công an xã Trung A, thành phố Mỹ Th, tỉnh Tiền Giang mời làm việc và các bên có làm bản cam kết không cãi nhau và không gây mất trật tự an ninh địa phương. Từ ngày 11/6/2019 anh T bỏ nhà đi không về, vợ chồng ly thân đến nay. Nay tình cảm không còn chị G yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

Bị đơn là anh Nguyễn Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật, nhưng anh vẫn không gửi ý kiến bằng văn bản, không đến tham gia tố tụng, nên không có lời Khi của anh T.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị G và anh T, được bà Nguyễn Thị Lệ là di ruột anh T cho biết quá trình chung sống anh T và chị G phát sinh mâu thuẫn khoảng 03 năm nay, nguyên nhân do anh T làm ra tiền ít hơn chị G, chị G kiếm chuyện cự cãi và nhiều lần bỏ nhà đi và đề nghị ly hôn với anh T.

- Về nuôi con: Chị G và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Chí Kh, sinh ngày 09/9/2004, con chung hiện đang sống với chị G, khi ly hôn chị G có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về chia tài sản: Không có

- Về nợ: Không có

T phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đúng như Quyết định đưa ra xét xử. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định T các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân của chị G và anh T do tìm hiểu rồi thành vợ chồng, anh chị có đăng ký kết hôn T UBND xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn cãi vã, từ tháng 6/2019 anh T bỏ nhà đi, vợ chồng ly thân từ đó. Trong quá trình chị G nộp đơn ly hôn T Tòa, anh T không đến hòa giải hoặc tham gia phiên tòa, chứng tỏ anh không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đề nghị HĐXX cho chị G được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị G và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Chí Kh, sinh ngày 09/9/2004, con chung hiện đang sống với chị G, khi ly hôn chị G có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Cháu Kh có nguyện vọng được sống chung với mẹ nghĩ cũng phù Đề nghị HĐXX giao con chung cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thị Kiên G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Hữu T nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn” theo quy định T khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh T với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú T ấp Hưng Thạnh, xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định T điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang

Chị Trần Thị Kiên G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh chị là phù hợp với quy định T khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị Kiên G và anh Nguyễn Hữu T được pháp luật thừa nhận, anh chị có đăng ký kết hôn T Ủy ban nhân dân xã Quan Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang ngày 29/9/2008. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị, thì yêu cầu xin ly hôn của chị G là có căn cứ, vợ chồng mâu thuẫn kéo dài, anh chị thường xuyên cự cãi, nhiều lần chị G yêu cầu ly hôn với anh T và vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2019 đến nay, nhiều lần Tòa án triệu tập anh T để hòa giải nhưng anh T không đến, cho thấy anh không có ý hàn gắn, cho thấy hôn nhân anh chị

lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định “...Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị G được ly hôn với anh T.

[2.2] Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Chí Kh, sinh ngày 09/09/2004 hiện nay đang sống với chị G, cháu Kh có nguyện vọng sống với chị Giang, chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Kh sống với chị G có cuộc sống ổn định, nên tiếp tục giao cháu Kh cho Giang nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng cháu Kh và đúng quy định T khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về chia tài sản: Không có, Tòa án không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ: Ghi nhận chị G xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 317 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kiên G được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

Về nuôi con: Chị Trần Thị Kiên G tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Chí Kh, sinh ngày 09/09/2004, hiện nay cháu Kh đang sống với chị G. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị G cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Không có, Tòa án không đề cập giải quyết.

4. Về nợ: Ghi nhận chị G xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân sơ thẩm chị Trần Thị Kiên G phải chịu 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0006000 ngày 25/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Chị G và anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định T Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định T các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định T Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- UBND xã Quơn Long;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đỗ Thị Ngọc Thảo